

Bài báo nghiên cứu

ẢNH HƯỞNG CỦA YẾU TỐ QUÂN SỰ TRONG TỔ CHỨC ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH QUYỀN VIỆT NAM CỘNG HÒA TRÊN VÙNG ĐẤT TÂY NAM BỘ THỜI ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA (1956-1963)

Nguyễn Thị Ly

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Ly – Email: lynt@hcmussh.edu.vn

Ngày nhận bài: 14-9-2025; Ngày nhận bài sửa: 06-11-2025; Ngày duyệt đăng: 05-01-2026

TÓM TẮT

Các yếu tố quân sự đóng vai trò then chốt trong việc định hình ranh giới hành chính của Việt Nam Cộng hòa ở đồng bằng sông Cửu Long trong thời kỳ Đệ nhất Cộng hòa (1956-1963). Bài viết này nghiên cứu sâu về vai trò và tác động của yếu tố quân sự trong quá trình tổ chức và điều chỉnh địa giới hành chính trên vùng đất Tây Nam Bộ dưới thời Đệ nhất Cộng hòa (1956-1963). Bài viết làm rõ quá trình cải tổ hành chính lớn của chính quyền này, bao gồm việc chia tách, sáp nhập các tỉnh, đổi tên địa danh, và đặc biệt là sự tham gia trực tiếp của quân đội vào bộ máy hành chính địa phương. Bài viết cũng chỉ ra mối quan hệ mật thiết giữa nhu cầu quân sự (như kiểm soát an ninh, chống nổi dậy, bảo vệ biên giới) và việc tổ chức, phân bố lại địa giới hành chính ở vùng Tây Nam Bộ trong giai đoạn 1956-1963. Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh tính hai mặt của mô hình này: tăng cường kiểm soát nhưng cũng dẫn đến bất ổn xã hội.

Từ khóa: địa giới hành chính; Đệ nhất Cộng hòa; yếu tố quân sự; Tây Nam Bộ; Việt Nam Cộng hòa

1. Đặt vấn đề

Vùng đất Tây Nam Bộ (đồng bằng sông Cửu Long) giữ vai trò chiến lược quan trọng đối với Chính quyền Việt Nam Cộng hòa trong thời kỳ 1954-1963. Sau Hiệp định Genève 1954, miền Nam Việt Nam trở thành tiền đồn chống cộng của Hoa Kỳ ở Đông Nam Á. Chính quyền Ngô Đình Diệm (Đệ nhất Cộng hòa) được Hoa Kỳ hậu thuẫn, tiến hành củng cố bộ máy cai trị nhằm thiết lập sự kiểm soát chặt chẽ trên toàn lãnh thổ Nam Việt Nam, đặc biệt ở các vùng nông thôn như Tây Nam Bộ, nơi phong trào cách mạng miền Nam dần lớn mạnh.

Trong bối cảnh đó, yếu tố quân sự nổi lên như một nhân tố chi phối việc tổ chức đơn

Cite this article as: Nguyen, T. L. (2026). The influence of military factors on the administrative boundaries organization of the Vietnam Republic Government in the Southwest region during the First Republic (1956–1963). *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 23(5), 1171-1182. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.5.5244\(2026\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.5.5244(2026))

vị hành chính và quản lý địa phương. Chính quyền Ngô Đình Diệm chủ trương tập trung quyền lực về trung ương, đồng thời quân sự hóa chính quyền địa phương nhằm đàn áp lực lượng cộng sản và bình định nông thôn và kiểm soát dân cư. Khu vực Tây Nam Bộ được chọn làm trường hợp nghiên cứu tiêu biểu vì đây là địa bàn quan trọng về nông nghiệp, dân cư, đồng thời là trọng điểm của các chương trình bình định và “áp chiến lược” dưới thời Ngô Đình Diệm.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khung lý thuyết nghiên cứu

Tổ chức địa giới hành chính được hiểu là việc xác định tên gọi, cấp bậc và cương vực không gian lãnh thổ của các đơn vị hành chính như tỉnh, quận, xã. Tổ chức địa giới hành chính giữ vai trò then chốt trong duy trì trật tự và quyền lực nhà nước. Ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1963, việc phân chia lãnh thổ không chỉ mang tính quản lý hành chính mà còn phản ánh sự chi phối của yếu tố quân sự và sự lồng ghép giữa cơ chế hành chính với quân sự.

Trong lý thuyết địa chính trị, Friedmann (1966) nhấn mạnh rằng địa giới hành chính ở các vùng biên giới hoặc chiến lược thường bị ảnh hưởng bởi an ninh quốc gia, dẫn đến việc phân chia lãnh thổ dựa trên nhu cầu quân sự hơn là dân số hay kinh tế (Friedmann, 1966, p.43). James Scott (1998) trong một nghiên cứu của mình đã chỉ ra rằng khi việc tổ chức địa giới hành chính lãnh thổ đi kèm với quân sự hóa sẽ tạo điều kiện cho việc giám sát và chống lại các mối đe dọa (Scott, 1998, p.61). Đối với trường hợp của Việt Nam Cộng hòa, ở miền Nam Việt Nam, địa giới được điều chỉnh để hỗ trợ chiến lược bình định, như thành lập các quân khu trùng với vùng hành chính để dễ dàng huy động lực lượng. Đó chính là sự “hợp pháp hóa” hoạt động tổ chức địa giới hành chính quốc gia thông qua lăng kính quân sự.

Lý thuyết hành chính công, nhất là trong bối cảnh nhà nước hậu thuộc địa và chiến tranh, giúp phân tích hiện tượng quân sự hóa địa giới hành chính. Weber (1978) cho rằng nhà nước hiện đại dựa trên bộ máy quan liêu, tập trung quyền lực và phân chia lãnh thổ để quản lý hiệu quả (Weber, 1978, pp.50-51). Tuy nhiên, đối với những nhà nước như Việt Nam Cộng hòa, mô hình này biến dạng do xung đột. Charles Tilly gọi hiện tượng như trên là “quân sự hóa hành chính” (militarized administrative state) – tức quá trình kết hợp cưỡng chế quân sự và tổ chức hành chính nhằm kiểm soát lãnh thổ. Điều đó dẫn đến sự hòa quyền giữa hành chính dân sự và quân sự – một hiện tượng được Tilly mô tả như “chiến tranh tạo nên nhà nước” (Tilly, 1990, p.15). Trong bối cảnh này, địa giới hành chính trở thành biên giới chiến lược, nơi quân sự hóa được sử dụng để duy trì quyền lực, kiểm soát dân cư và tài nguyên. Đối với trường hợp của chính thể Việt Nam Cộng hòa, điều đó thể hiện qua việc chia cả nước thành vùng chiến thuật gắn với quân đoàn, cùng các tiểu khu/chi khu tương ứng tỉnh, quận – tạo nên cấu trúc kết hợp giữa quân sự và hành chính.

Theo Michel Foucault (1975), quyền lực nhà nước được thực thi qua các cơ chế kỉ luật, bao gồm việc phân chia không gian để giám sát và kiểm soát (Foucault, 1975, p.143).

Địa giới hành chính trở thành “công cụ kỉ luật” khi tích hợp yếu tố quân sự, như việc thiết lập quân khu song song với tỉnh lỵ, nhằm biến lãnh thổ thành mạng lưới giám sát.

Bên cạnh những yếu tố trên, hoạt động tổ chức địa giới hành chính của chính quyền Việt Nam Cộng hòa giai đoạn 1956-1963 ở toàn miền Nam nói chung và trên vùng đất Tây Nam Bộ nói riêng chịu nhiều ảnh hưởng từ phía Hoa Kỳ trên tinh thần thiết lập một nền hành chính sẵn sàng cho tình huống chiến tranh. Do đó, mô hình hành chính áp dụng tại miền Nam ít nhiều phản ánh triết lí quản trị của Mỹ trong điều kiện chiến tranh lạnh, thể hiện qua những yếu tố sau:

- Tổ chức hành chính theo mô hình quân sự: Miền Nam được chia thành các quân khu/quân đoàn, gần tương ứng với các vùng chiến lược theo góc nhìn quân sự của Mỹ. Dưới cấp quân đoàn là các tiểu khu (province sector) và chi khu (district sector). Cách phân chia này tương tự mô hình quân quản của Mỹ, từng áp dụng ở Nhật Bản, Đức sau Thế chiến II và ở Triều Tiên, với sự song trùng giữa lãnh thổ hành chính và khu vực trách nhiệm quân sự.

- Lồng ghép quân đội vào hệ thống công quyền: Hoa Kỳ khuyến khích chính quyền Việt Nam Cộng hòa dùng quân đội làm lực lượng nòng cốt kiểm soát nông thôn. Theo đó, tỉnh trưởng và quận trưởng đồng thời nắm quyền hành chính và quân sự, theo tư tưởng “một viên chức, hai nhiệm vụ”, nhằm thống nhất chỉ huy và tránh chòng chéo giữa hệ thống quân - dân sự.

2.2. Bối cảnh lịch sử và vị trí địa chiến lược của vùng Tây Nam Bộ

Tầm quan trọng chiến lược của đồng bằng sông Cửu Long dưới thời Đệ Nhất Cộng hòa đến từ hai yếu tố: tiềm lực kinh tế và tính dễ bị tổn thương trước nổi dậy. Với diện tích khoảng 26.000 dặm vuông, khu vực này cung cấp 75% sản lượng lúa gạo của miền Nam, đóng vai trò nuôi sống quốc gia và duy trì ngân sách cho chế độ (Biggs, 2010, p.92). Tuy nhiên, hệ thống sông ngòi phức tạp và các vùng trũng như Đồng Tháp Mười trở thành nơi trú ẩn cho lực lượng kháng chiến cũ ở miền Nam, sau này phát triển thành những căn cứ của lực lượng du kích miền Nam (Elliott, 2012, p.80).

Sau năm 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm tiếp quản vùng Tây Nam Bộ với các đơn vị hành chính được tổ chức từ thời Pháp nhưng phải đối mặt với mối đe dọa ngày càng lớn. Từ năm 1956 trở đi, số vụ tấn công của quân du kích tại Đồng bằng đã gia tăng liên tục. Để chống lại mối nguy cơ trên, chính quyền Ngô Đình Diệm áp dụng mô hình quản lí theo hướng tập trung hóa quyền lực trung ương, nhưng phân quyền quân sự tại địa phương (Catton, 2002, p.50).

Đến năm 1961, chính quyền Việt Nam Cộng hòa tiếp tục có những điều chỉnh về mặt tổ chức địa giới hành chính ở một số nơi ở miền Nam Việt Nam nhằm giúp đối phó với tình hình đang ngày càng xấu đi. Tuy nhiên, điều kiện và ranh giới về địa lí vẫn là thách thức đối với những nỗ lực kiểm soát tình hình miền Nam của chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Tại khu vực miền Tây Nam Bộ, hệ thống sông ngòi chằng chịt cùng những trận lũ lụt vào mùa nước nổi hàng năm dễ dàng phá vỡ sự phân chia về mặt ranh giới địa lí, tạo điều kiện cho lực lượng du kích di chuyển và luân chuyển vị trí nhằm đối phó lại những nỗ lực bình định

lãnh thổ của quân đội Việt Nam Cộng hòa.

Tóm lại, bối cảnh chiến lược của vùng đồng bằng đã buộc chính quyền Việt Nam Cộng hòa phải sử dụng biện pháp quân sự hóa ranh giới, đặt nền móng cho các cải cách cụ thể trong giai đoạn 1956-1963.

2.3. Yếu tố quân sự trong tổ chức địa giới hành chính tại Tây Nam Bộ

Dưới thời Ngô Đình Diệm, chính quyền Việt Nam Cộng hòa coi cải tổ địa giới hành chính là công cụ bình định, vừa quản lý vừa phục vụ mục tiêu quân sự. Địa giới hành chính đồng thời là ranh giới quân sự, nên việc chia tách hay sáp nhập tỉnh đều phụ thuộc yêu cầu chiến thuật. Các tỉnh rộng hoặc đông dân được chia nhỏ để dễ kiểm soát an ninh, còn những địa bàn phức tạp được điều chỉnh ranh giới nhằm phá vỡ vùng ảnh hưởng của lực lượng chống đối. Chiến lược “quân sự hóa” hoạt động tổ chức địa giới hành chính của chính quyền thời Đệ nhất Cộng hòa ở miền Nam thể hiện chủ yếu qua những khía cạnh sau: Tổ chức phân chia lãnh thổ hành chính gắn với cấu trúc quân sự; Quân sự hóa bộ máy lãnh đạo hành chính; Điều chỉnh địa giới dựa trên tình hình quân sự, an ninh.

2.3.1. Tổ chức phân chia lãnh thổ hành chính gắn với cấu trúc quân sự

Ngay sau khi nền Đệ nhất Cộng hòa ra đời, chính quyền Ngô Đình Diệm đã tiến hành cải tổ mạnh mẽ đơn vị hành chính trên toàn miền Nam, trong đó có Tây Nam Bộ. Trước cải tổ (1955), vùng Tây Nam Bộ được phân chia thành 12 tỉnh. Các tỉnh thời Quốc gia Việt Nam (Bảo Đại) ở Nam Bộ chủ yếu kế thừa từ thời Pháp, như: Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sa Đéc, Mỹ Tho, Bến Tre, Tân An, Gò Công... Mỗi tỉnh gồm nhiều quận (huyện) và xã, trong đó xã thường được gộp thành trung gian là tổng (trương đương cụm xã).

Sau Hiến pháp 1956, Tổng thống Ngô Đình Diệm ban hành hàng loạt sắc lệnh, dự để sắp xếp lại địa giới hành chính. Ngày 22/10/1956, Tổng thống Ngô Đình Diệm ban hành Sắc lệnh 143-NV về thay đổi địa giới và tên Đô thành Sài Gòn-Chợ Lớn cùng các tỉnh và tỉnh lỵ tại Nam. Riêng tại Tây Nam Bộ, tỉnh Hà Tiên bị giải thể (sáp nhập vào Châu Đốc/Rạch Giá), một số tỉnh được đổi tên hoặc điều chỉnh ranh giới. Kết quả, Tây Nam Bộ (lúc này gọi là Tây Nam Phần) gồm 13 tỉnh sau:

- Long An (trước là Tân An, thêm một phần tỉnh Chợ Lớn cũ);
- Kiến Tường (mới, tách từ Tân An và phần biên giới Campuchia, tương ứng khu vực Mộc Hóa trước đây);
- Kiến Phong (mới, trên cơ sở tỉnh Sa Đéc và phần phía Bắc tỉnh Mỹ Tho);
- Định Tường (tên lịch sử của tỉnh Mỹ Tho cũ, nay bao gồm cả Gò Công);
- Kiến Hòa (tên mới của tỉnh Bến Tre);
- Vĩnh Long (giữ nguyên tên);
- Vĩnh Bình (mới, hợp nhất Trà Vinh với phần tỉnh Vĩnh Long và tỉnh mới Tam Cần trước đó);
- An Giang (mới, hợp nhất Long Xuyên và Châu Đốc);

- Phong Dinh (tên mới của tỉnh Cần Thơ);
- Ba Xuyên (mới, hợp nhất Sóc Trăng và phần tỉnh Bạc Liêu);
- Kiên Giang (tên mới của tỉnh Rạch Giá, có bổ sung phần Hà Tiên);
- An Xuyên (tên mới của tỉnh Cà Mau, tách ra từ Bạc Liêu);
- Đặc khu Côn Sơn (Vietnam National Archives Center II, File No.141).

Đến cuối năm 1963, Tây Nam Bộ có thêm tỉnh Chương Thiện (thành lập cuối 1961) nâng tổng số lên 14 tỉnh.

Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy rõ động cơ quân sự đằng sau các điều chỉnh địa giới hành chính ở các tỉnh khu vực Tây Nam Bộ, thể hiện qua các nét sau:

- Chính quyền Việt Nam Cộng hòa muốn chia nhỏ các địa bàn rộng lớn để dễ kiểm soát an ninh. Vùng Tây Nam Bộ trước 1956 có những tỉnh rộng như Rạch Giá, Hà Tiên, Long Xuyên, Châu Đốc. Chẳng hạn, tỉnh Rạch Giá cũ bao quát cả Hà Tiên, Cà Mau, quá rộng nên khó quân quản. Bằng cách sáp nhập và chia lại, Kiên Giang (Rạch Giá và Hà Tiên) trở thành tỉnh kiểm soát vùng biên giới phía Tây Nam, còn phần bán đảo Cà Mau tách ra làm tỉnh An Xuyên, thuận tiện cho việc tập trung quân sự chống lại lực lượng du kích tại bán đảo này.

- Phá vỡ căn cứ địa truyền thống của đối phương: Sáp nhập tỉnh Sóc Trăng với tỉnh Bạc Liêu thành tỉnh Ba Xuyên đã triệt tiêu hai địa bàn mà trước đây là trọng điểm Việt Minh (Sóc Trăng, Bạc Liêu vốn có lực lượng kháng chiến mạnh). Sự thay đổi này làm xáo trộn mạng lưới cơ sở cách mạng và đòi hỏi đối phương phải thích ứng với đơn vị hành chính mới.

- Kiểm soát biên giới Campuchia: Việc lập tỉnh An Giang (gộp Long Xuyên và Châu Đốc), tỉnh Kiên Giang (gộp Hà Tiên và Rạch Giá) giúp quân đội Việt Nam Cộng hòa thuận tiện phối hợp phòng thủ dọc biên giới. An Giang và Kiên Giang đều giáp Campuchia, những hoạt động xâm nhập không được kiểm soát qua biên giới tạo ra nhiều mối lo ngại cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Sự điều chỉnh này đặt biên giới Tây Nam dưới sự giám sát của ít đầu mối hành chính hơn, tạo điều kiện cho quân đội triển khai lực lượng tập trung khi cần.

- Tạo “vành đai an ninh” quanh Sài Gòn: Lập các tỉnh nhỏ xung quanh đô thành Sài Gòn như Long An (hình thành từ Tân An và Chợ Lớn cũ), trở thành hành lang giữa Sài Gòn và Đồng Tháp Mười. Điều này cho thấy mô hình: Các tỉnh lỵ mới là các “tiểu khu quân sự” để chốt chặn an ninh, cô lập phong trào nổi dậy ngay từ vòng ngoài.

Song song với cấu trúc dân sự, tổ chức lãnh thổ quân sự cũng được hình thành và ngày càng đóng vai trò chi phối. Trước năm 1956, quân đội Quốc gia Việt Nam (tiền thân Quân lực Việt Nam Cộng hòa) đã có 4 quân khu thời Liên hiệp Pháp theo Sắc lệnh 19-QP/1954 ngày 19/3/1954 của Quốc trưởng Bảo Đại về việc tổ chức lại Quân đội Quốc gia Việt Nam (Vietnam National Archives Center II, File No.158). Tổng thống Diệm kế thừa và phát triển tiếp: ngày 24/10/1956, ông ban hành Sắc lệnh 147-b/QP về việc điều chỉnh lại địa giới hành chính và quân sự. Theo đó lập thêm 2 quân khu mới là Quân khu thủ đô và Đệ ngũ quân khu (Vietnam National Archives Center II, File No.160). Trong đó, Đệ ngũ quân khu phụ trách Tây Nam Bộ (Tây Nam Phần) gồm 13 tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long.

Quân khu giữ vai trò chỉ huy quân sự trên phạm vi rộng, ảnh hưởng lớn đến quản lí địa phương thời chiến. Trong những năm 1961-1963, khái niệm Vùng chiến thuật xuất hiện, thay thế dần cho quân khu. Ngày 13/4/1961, Tổng thống Diệm ban hành Sắc lệnh số 98-QP về cải tổ các quân khu, chia lãnh thổ miền Nam Việt Nam thành 3 vùng chiến thuật và một biện khu thủ đô; theo đó, Đệ nhất Quân khu (Đông Nam Phần) và Đệ ngũ Quân khu (Tây Nam Phần) lập thành Vùng 3 chiến thuật (Vietnam National Archives Center II, File No.168). Tây Nam Bộ chịu sự chỉ huy của Bộ tư lệnh Vùng 3 chiến thuật (đặt tại Sài Gòn, do tư lệnh Quân đoàn III phụ trách). Nhưng mô hình này tỏ ra bất cập vì phạm vi Vùng 3 quá rộng (bao gồm cả Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ). Tuy nhiên, tháng 7/1963, Tổng thống Diệm quyết định tách các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long ra khỏi Vùng 3 để lập riêng Vùng 4 chiến thuật. Vùng 4 tương ứng với miền Tây Nam Bộ, có Bộ tư lệnh Quân đoàn IV chỉ huy, đặt tại Cần Thơ. Đây chính là cấu trúc quân sự tồn tại cho đến cuối chiến tranh. Dù không phải đơn vị hành chính, ranh giới quân khu/vùng chiến thuật trùng với các tỉnh, giúp quân đội chi phối chính quyền dân sự địa phương. Trên thực tế, tư lệnh quân khu thường có uy thế hơn so với đại biểu chính phủ trên địa bàn, do nắm trong tay lực lượng quân sự.

Ngoài các tỉnh, chính quyền Đệ Nhất Cộng Hòa còn tổ chức các “khu” đặc biệt phục vụ mục tiêu an ninh:

Đặc khu (khu tự trị hành chính đặc biệt): Thường là những vùng xung yếu được tách riêng để trực tiếp dưới quyền trung ương hoặc quân đội. Ở miền Tây Nam Bộ, một ví dụ là Đặc khu Côn Sơn (Côn Đảo) – dù ngoài khơi nhưng hành chính thuộc Nam Phần, nơi đặt nhà tù chính trị, đặt dưới quyền điều khiển trung ương (tương đương tỉnh). Còn trên đất liền Tây Nam Bộ, khu U Minh hoặc khu biên giới Hà Tiên - Châu Đốc từng được xem xét làm khu hành chính đặc biệt để tiện hành quân, dù chưa hình thành đặc khu chính thức tại U Minh trong thời kì này.

Khu trừ mật (1959-1961) là chương trình kinh tế - quân sự do Tổng thống Ngô Đình Diệm khởi xướng nhằm dồn dân lập ấp, không phải đơn vị hành chính chính thức nhưng có ban quản trị riêng và có thể vượt ranh tỉnh. Ở Tây Nam Bộ, điển hình là Khu trừ mật Cái Sắn (giữa An Giang và Kiên Giang), nơi đưa dân từ miền Trung vào tạo vành đai an ninh. Mô hình này cho thấy tính linh hoạt của hành chính phục vụ mục tiêu quân sự.

Khu chiến thuật liên tỉnh: Quân đội tổ chức các “Khu Chiến thuật” gồm vài tỉnh lân cận. Mặc dù khu chiến thuật không phải cấp hành chính, nhưng tư lệnh khu thường ảnh hưởng đến cách bố trí ranh giới tỉnh để tiện chỉ huy. Khu vực Tây Nam Bộ trong chiến lược quân sự Việt Nam Cộng hòa được tổ chức thành 3 Khu chiến thuật và 1 biệt khu, gồm:

- Khu 41 chiến thuật (Châu Đốc, An Giang, Sa Đéc, Vĩnh Long, Vĩnh Bình), sở chỉ huy đóng tại Mỹ Tho;

- Khu 42 chiến thuật (Kiên Giang, Phong Dinh, Chương Thiện, Ba Xuyên, Bạc Liêu, An Xuyên), sở chỉ huy đóng tại Cần Thơ;

- Khu 43 chiến thuật (Định Tường, Kiến Tường, Kiến Phong, Kiến Hòa, Gò Công), sở chỉ huy đóng tại Định Tường;

- Biệt khu 44 chiến thuật bán tự trị làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh khu vực Tây Bắc đồng bằng sông Cửu Long dọc biên giới Việt Nam - Campuchia. Năm 1973, Biệt khu 44 chiến thuật bán tự trị giải thể.

Chức năng của Khu chiến thuật cũng giống như chức năng của Vùng chiến thuật là quản trị tất cả các lĩnh vực trên địa bàn do Khu chiến thuật quản lý và chịu sự chỉ huy, điều động của tư lệnh Vùng 4 chiến thuật.

Hệ thống quân khu/vùng chiến thuật này có vai trò giống như một tầng phân quyền quân sự khu vực, bảo đảm quân đội có thể phối hợp hoạt động trên phạm vi liên tỉnh. Đối với quản lý địa phương, quân khu giúp giám sát an ninh vùng và hỗ trợ các tỉnh trong hoạt động hành quân bình định.

2.3.2. *Quân sự hóa bộ máy lãnh đạo hành chính*

Việc cải tổ hoạt động tổ chức địa giới hành chính mà chính quyền Việt Nam Cộng hòa thực hiện trong những năm 1955-1956 đã giúp tái định hình bản đồ hành chính khu vực Tây Nam Bộ. Sự can thiệp quân sự thể hiện ở việc điều chỉnh địa giới nhằm thắt chặt an ninh: chính quyền Diệm tạo ra các tỉnh mới mà một tỉnh tương ứng một tiểu khu quân sự, giúp quân đội triển khai chiến thuật “quận kiểm, xã giữ” (kiểm soát vững chắc đến cấp quận, xã bên dưới).

Thực tế, tỉnh trong cấu trúc Việt Nam Cộng hòa giai đoạn 1955-1963 còn được gọi là “tiểu khu”, đặt dưới quyền một tỉnh trưởng, mà tỉnh trưởng này thường kiêm tiểu khu trưởng. Tiểu khu trưởng về sau đa phần là sĩ quan quân đội, chịu trách nhiệm quân sự trên địa bàn. Trong giai đoạn 1956-1963, nhiều tỉnh trưởng là sĩ quan quân đội (cấp bậc đại tá, trung tá) được bổ nhiệm. Việc đưa quân nhân nắm chính quyền tỉnh nhằm đảm bảo các biện pháp an ninh được thực thi tức thời và thống nhất chỉ huy giữa dân sự và quân sự. Tương tự ở cấp tỉnh, chức quận trưởng phần lớn do sĩ quan (cấp đại úy hoặc thiếu tá) đảm nhiệm. Quận tại Tây Nam Bộ có nhiều địa bàn phức tạp, do đó chi khu quân sự đặt tại quận lỵ, quận trưởng chỉ huy luôn lực lượng bảo an, dân vệ địa phương. Tương tự, ở cấp xã, người đứng đầu xã – Đại diện xã – thực chất do quận trưởng bổ nhiệm hơn là dân bầu.

2.3.3. *Điều chỉnh địa giới dựa trên tình hình quân sự, an ninh*

Việc chia tách, sáp nhập tỉnh ở miền Tây chủ yếu nhằm mục tiêu quân sự. Trường hợp tỉnh Chương Thiện (thành lập 1961) là điển hình: khu vực giáp Cần Thơ - Sóc Trăng - Rạch Giá vốn nổi tiếng bất ổn, là căn cứ của lực lượng Giải phóng. Theo Sắc lệnh 244-NV do Tổng thống Ngô Đình Diệm ban hành ngày 24/12/1961 về việc thành lập tỉnh Chương Thiện. Theo đó, Ngô Đình Diệm tách phần đất khó kiểm soát từ bốn tỉnh (Cần Thơ, Sóc Trăng, Rạch Giá, Bạc Liêu) để lập Chương Thiện với tỉnh lỵ là Vị Thanh, tập trung vào vùng căn cứ kháng chiến nhằm dồn lực bình định (Vietnam National Archives Center II, File No.145). Sau đó, chính quyền liên tục triển khai nỗ lực kiểm soát cho đến đảo chính 1963.

Trước đó, năm 1957, chính quyền Ngô Đình Diệm cũng điều chỉnh một loạt tỉnh miền Tây: bỏ Hà Tiên (sáp nhập vào Rạch Giá – Châu Đốc), tách Cà Mau khỏi Bạc Liêu, nhập

tỉnh Trà Vinh và phần Vĩnh Long để dễ quản lí người Khmer (tạo thành Vĩnh Bình). Đây đều là các địa bàn có đặc thù về dân tộc, địa hình phức tạp nên chính quyền tái phân chia để tiện việc kiểm soát quân sự.

Ở cấp quận: số lượng quận trong tỉnh cũng thay đổi nhiều qua các năm do nhu cầu an ninh theo hướng: chỗ nào trọng yếu thì tách nhỏ ra để dễ đàn áp, khi an ninh tạm vững thì có thể sáp nhập lại cho gọn. Ví dụ như:

- Tỉnh Kiến Phong (Sa Đéc) ban đầu có 3 quận, năm 1960 lập thêm quận Kiến Văn để tăng cường kiểm soát vùng Đồng Tháp Mười (Vietnam National Archives Center II, File No.170).

- Tỉnh Kiên Giang sau 1957 chia quận Kiên Bình thành 2 quận (Kiên Bình, Kiên Hưng), lập mới quận Kiên Long (1960) và Kiên Lương (1961) – tất cả nhằm kiểm soát tuyến biên giới Hà Tiên và U Minh Thượng. Tuy nhiên đến cuối 1961, theo Sắc lệnh 244-NV ngày 24/12/1961, hai quận Kiên Long, Kiên Hưng lại được tách giao sang tỉnh Chương Thiện mới lập (Vietnam National Archives Center II, File No.186).

- Tỉnh Ba Xuyên theo Nghị định 118-BNV/HC/NĐ do Thủ tướng Việt Nam cộng hòa ban hành ngày 10/4/1957 về việc ấn định (xác lập) đơn vị hành chính tỉnh Ba Xuyên (tỉnh lỵ Khánh Hưng). Theo đó, được chia 8 quận, 73 xã, sau điều chỉnh thành 7 quận 14 tổng 68 xã để loại bỏ khu vực du kích. Quận Long Phú và Thạnh Trị được mở rộng để kiểm soát sông Hậu, với Bảo an đoàn địa phương. Đến 1961, chuyển quận Phước Long sang tỉnh Chương Thiện theo Sắc lệnh 244-NV ngày 24/12/1961 (Vietnam National Archives Center II, File No.145) nhằm mục đích tái cấu trúc địa giới hành chính nhằm tăng hiệu quả quân sự.

- Tỉnh An Giang, địa giới được điều chỉnh mạnh mẽ do yếu tố quân sự. Theo Nghị định 134-BNV/HC/NĐ do Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa ban hành ban hành ngày 24/4/1957 về việc ấn định đơn vị hành chính một tỉnh Nam Kỳ. Tỉnh được điều chỉnh trong văn bản này là An Giang. Theo đó, An Giang được chia thành 8 quận, 16 tổng, 98 xã, trong đó có quận Tịnh Biên và Tri Tôn gần biên giới (Vietnam National Archives Center II, File No.156). Tiếp đến, lập quận An Phú (1957) để kiểm soát các cửa khẩu, với 1 tổng 13 xã, nhằm ngăn chặn sự xâm nhập từ biên giới Campuchia theo Nghị định 252-BNV/HC/NĐ do Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa ban hành ngày 06/8/1957 (Vietnam National Archives Center II, File No.156)...

Đối với cấp xã, dưới áp lực chiến tranh du kích gia tăng (đặc biệt là sau khi Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ra đời vào năm 1960), tại Tây Nam Bộ có hiện tượng chia nhỏ xã ấp để dễ kiểm soát. Các xã quá rộng, dân quá đông được tách để tiện bố trí dân vệ (lực lượng bán quân sự) quản lí từng ấp. Đây là vi mô hành chính nhưng phản ánh rõ yếu tố quân sự trong quản lí nông thôn.

Tóm lại, từ 1956 đến 1963, toàn bộ hệ thống hành chính địa phương Tây Nam Bộ được quân sự hóa mạnh. Bất kì một thay đổi địa giới nào – thành lập tỉnh mới (Chương Thiện), sáp nhập tỉnh (ví dụ Long An hình thành năm 1956 từ tỉnh Tân An và Chợ Lớn) – đều được quyết định dựa trên đánh giá về tình hình an ninh và quân sự.

2.4. Hiệu quả và hạn chế

2.4.1. Hiệu quả đạt được từ góc nhìn chính quyền Việt Nam Cộng hòa

Từ quan điểm của chính quyền Ngô Đình Diệm, các biện pháp quân sự can thiệp hành chính ở Tây Nam Bộ đã đem lại một số kết quả nhất định:

- Cùng cố kiểm soát nhà nước tại địa phương: Sau cải cách 1956, chính quyền Việt Nam Cộng hòa mở rộng bộ máy quản lý đến tận cấp xã, kể cả vùng hẻo lánh như U Minh hay Đồng Tháp Mười – nơi trước kia gần như vắng bóng chính quyền. Việc chia nhỏ tỉnh giúp tăng ngân sách, nhân lực cho quản lý cơ sở. Ví dụ, tỉnh An Xuyên mới lập đã nhanh chóng có công chức, cố vấn Mỹ, tỉnh lỵ Quản Long và hạ tầng phục vụ quân sự được xây dựng.

- Phản ứng nhanh với các điểm nóng an ninh: Lập tỉnh Chương Thiện kịp thời sau phong trào nổi dậy 1960-1961 đã giúp Việt Nam Cộng hòa dồn lực bình định vùng này, gây ra nhiều khó khăn cho hoạt động của Mặt trận dân tộc giải phóng ở nơi này. Đây là thành tích mà chế độ Diệm đã nhiều lần tuyên truyền như một hình mẫu.

- Hoạt động phối hợp quân - dân sự nhịp nhàng hơn: Do tỉnh trưởng là sĩ quan và quận trưởng là sĩ quan, mệnh lệnh quân sự triển khai không vấp phải rào cản hành chính dân sự. Khi cần thiết, tỉnh trưởng/tiểu khu trưởng có thể ban hành lệnh giới nghiêm, lệnh giới hạn đi lại... rất nhanh. Ví dụ trong Chiến dịch càn quét khu vực Bình Đại (tỉnh Kiến Hòa) của quân đội Việt Nam Cộng hòa vào năm 1962, tỉnh trưởng Kiến Hòa đã phối hợp liên tỉnh với tỉnh trưởng Định Tường để bao vây quân du kích nhờ quyền điều binh linh hoạt, không cần chờ Bộ Nội vụ phê duyệt.

2.4.2. Hạn chế

Tuy nhiên, việc quân sự hóa tổ chức địa giới hành chính cũng bộc lộ nhiều nhược điểm và gây ra nhiều hệ lụy tiêu cực cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa, thể hiện qua một số khía cạnh sau:

- Hành chính xáo trộn, khó khăn cho dân sinh: Việc liên tục thay đổi địa danh, địa giới làm người dân bối rối về thủ tục giấy tờ, đất đai. Chẳng hạn, nông dân vùng Phụng Hiệp (trước thuộc tỉnh Phong Dinh) sau 1961 thuộc Chương Thiện, khiến mọi hồ sơ ruộng đất phải chuyển về tỉnh lỵ mới. Sự bất tiện này gián tiếp làm giảm uy tín chính quyền.

- Tốn kém ngân sách quản lý và quốc phòng: Mỗi tỉnh mới lập cần bộ máy mới: Tòa hành chính, sở ti, cơ sở hạ tầng, lực lượng bảo an - dân vệ tăng. Điều này tiêu hao một phần lớn ngân sách. Số liệu năm 1962 cho thấy Chính phủ trung ương phải dành gần 8% ngân sách thường xuyên để duy trì các tỉnh biên giới thưa dân (như Kiến Tường, An Xuyên, Chương Thiện), nhưng nguồn thu từ các địa phương này rất ít. Áp lực tài chính khiến kinh tế gặp khó khăn, phụ thuộc viện trợ của Mỹ nhiều hơn.

- Hiệu quả quân sự không bền vững: Ban đầu, biện pháp quân sự hóa hành chính giúp chính quyền Việt Nam Cộng hòa ổn định tình hình, nhưng về lâu dài, phía cách mạng nhanh chóng thích ứng. Lực lượng Giải phóng phân chia quân khu tương ứng, như lập Phân liên tỉnh Sóc Trăng – Bạc Liêu sau khi tỉnh này bị xóa, hay Khu căn cứ Chương Thiện khi tỉnh

Chương Thiện ra đời. Sự đối ứng này biến thành cuộc chạy đua mà chính quyền không giữ được ưu thế lâu dài. Bên cạnh đó, việc sĩ quan lẫn át công chức dân sự kì cựu gây mất đoàn kết nội bộ, làm giảm hiệu quả quản trị.

- Thay đổi liên tục gây khó việc quy hoạch và hoạch định chiến lược phát triển dài hạn: Sau 1963, chính quyền Việt Nam Cộng hòa (Đệ nhị Cộng hòa) đã kế thừa một nền tổ chức địa giới hành chính rất manh mún, chông chéo. Họ phải mất vài năm ổn định lại (như sáp nhập lại Châu Đốc, Bạc Liêu năm 1964). Về lâu dài, việc chia quá nhỏ tỉnh ở miền Tây khiến khả năng tự lực kinh tế của địa phương kém (do nguồn lực phân tán), sau chiến tranh phải tổ chức lại hợp lý hơn.

3. Kết luận

Trong thời Đệ nhất Cộng hòa (1955-1963), yếu tố quân sự chi phối mạnh mẽ việc tổ chức địa giới của chính quyền Việt Nam Cộng hòa ở Tây Nam Bộ. Từ chia tách, sáp nhập tỉnh, đổi tên địa danh đến bổ nhiệm nhân sự địa phương, mọi biện pháp đều nhằm mục tiêu tối thượng: bảo đảm an ninh, đối phó nổi dậy và củng cố kiểm soát. Chính quyền Ngô Đình Diệm thiết lập mô hình “tiểu khu hành chính - quân sự”, biến mỗi đơn vị hành chính thành một đơn vị quân sự. Mô hình này giúp chính quyền mở rộng hiện diện tới vùng sâu vùng xa, kìm hãm hoạt động đối phương cuối thập niên 1950 - đầu 1960. Tuy nhiên, về lâu dài, việc quân sự hóa hành chính bộc lộ nhiều hạn chế: cơ cấu chồng chéo, chi phí cao, quan hệ chính quyền - nhân dân rạn nứt do tính cưỡng chế, và đối phương dần tìm ra cách đối phó. Sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm năm 1963 phần nào bắt nguồn từ những mâu thuẫn nội tại này.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

❖ **Lời cảm ơn:** Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) trong khuôn khổ Đề tài mã số C2024-18b-06.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Biggs, D. (2010). *Quagmire: Nation-building and nature in the Mekong Delta*. University of Washington Press.
- Catton, P. J. (2002). *Diem's final failure: Prelude to America's war in Vietnam*. University Press of Kansas.
- Elliott, D. W. P. (2012). *The Vietnamese war: Revolution and social change in the Mekong Delta, 1930-1975*. M.E. Sharpe.
- Foucault, M. (1975). *Discipline and punish: The birth of the prison*. Vintage Books.
- Friedmann, J. (1966). *Regional development policy: A case study of Venezuela*. Massachusetts: MIT Press.
- Scott, J. C. (1998). *Seeing like a state: How certain schemes to improve the human condition have failed*. Yale University Press.

- Tilly, C. (1990). *Coercion, capital, and European states, AD 990-1990*. Massachusetts: Basil Blackwell.
- Vietnam National Archives Center II. *Nghị định 118-BNV/HC/ND do Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa ban hành ngày 10/4/1957 năm 1957 [Decree No. 118-BNV/HC/ND issued by the Prime Minister of the Republic of Vietnam on April 10, 1957]*. Fonds of the First Republic of Vietnam President, File No.148.
- Vietnam National Archives Center II. *Nghị định 134-BNV/HC/ND ngày 24/4/1957 [Decree No. 134-BNV/HC/ND dated April 24, 1957]*. Fonds of the Republic of Vietnam Prime Minister, File No.156.
- Vietnam National Archives Center II. *Nghị định 252-BNV/HC/ND ngày 06/8/1957 [Decree No. 252-BNV/HC/ND dated August 6, 1957]*. Fonds of the Republic of Vietnam Prime Minister, File No.145.
- Vietnam National Archives Center II. *Nghị định số 356-BNV/HC/ND ngày 11/12/1957 và Nghị định số 876-BNV/NC8/ND ngày 21/7/1960 [Decree No.356-BNV/HC/ND dated December 11, 1957 and Decree No. 876-BNV/NC8/ND dated July 21, 1960]*. Fonds of the Republic of Vietnam Prime Minister, File No.170.
- Vietnam National Archives Center II. *Sắc lệnh 143-NV của Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa ban hành ngày 22/10/1956 về thay đổi địa giới và tên Đô thành Sài Gòn-Chợ Lớn cùng các tỉnh và tỉnh lỵ tại Nam [Decree No.143-NV issued by the President of the First Republic of Vietnam on October 22, 1956 regarding changes to the boundaries and name of Saigon–Cho Lon Capital and the provinces and provincial seats in the South]*. Fonds of the First Republic of Vietnam President, File No.141.
- Vietnam National Archives Center II. *Sắc lệnh 147-b/QP của Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa ban hành ngày 24/10/1956 về việc điều chỉnh lại địa giới hành chính và quân sự [Decree No. 147-b/QP issued by the President of the First Republic of Vietnam on October 24, 1956 on the adjustment of administrative and military boundaries]*. Fonds of the First Republic of Vietnam President, File No.160.
- Vietnam National Archives Center II. *Sắc lệnh 244-NV do Tổng thống Ngô Đình Diệm ban hành ngày 24/12/1961 về việc thành lập tỉnh Chương Thiên [Decree No. 244-NV issued by President Ngo Dinh Diem on December 24, 1961 establishing Chuong Thien Province]*. Fonds of the First Republic of Vietnam President, File No.186.
- Vietnam National Archives Center II. *Sắc lệnh 98-QP do Tổng thống Ngô Đình Diệm ban hành ngày 13/4/1961 về cải tổ các quân khu [Decree No. 98-QP issued by President Ngo Dinh Diem on April 13, 1961 on the reorganization of military zones]*. Fonds of the First Republic of Vietnam President. File No.168.
- Vietnam National Archives Center II. *Sắc lệnh số 19-QP/1954 ngày 19/3/1954 của Quốc trưởng Bảo Đại về việc tổ chức lại Quân đội Quốc gia Việt Nam [Decree No.19-QP/1954 dated March 19, 1954 by Chief of State Bao Dai on the reorganization of the Vietnamese National Army]*. Fonds of the First Republic of Vietnam President, File No.158.
- Weber, M. (1978). *Economy and society* (G. Roth & C. Wittich, Eds.). University of California Press. (Original work published 1922).

**THE INFLUENCE OF MILITARY FACTORS ON THE ORGANIZATION
OF ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IN THE SOUTHWEST REGION
UNDER THE FIRST REPUBLIC OF VIETNAM (1956–1963)**

Nguyen Thi Ly

University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Ho Chi Minh City, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Thi Ly – Email: lynt@hcmussh.edu.vn

Received: September 14, 2025; Revised: November 06, 2025; Accepted: January 05, 2026

ABSTRACT

Military factors played a crucial role in shaping the administrative boundaries of the Republic of Vietnam in the Mekong Delta during the First Republic period (1956–1963). This article provides an in-depth study of the role and impact of military considerations in the process of organizing and adjusting administrative boundaries in the Southwest region under the First Republic (1956–1963). The study also clarifies the major administrative reforms implemented by this government, including the division and merger of provinces, the renaming of localities, and, in particular, the direct involvement of the military in local administrative apparatuses. The article highlights the close relationship between military needs, such as security control, counterinsurgency, and border protection, and the organization and redistribution of administrative boundaries in the Southwest region during 1956–1963. The research results emphasize the dual nature of this model: it enhanced control but also led to social instability.

Keywords: administrative boundaries; First Republic; military factors; Southwest region; Vietnam Republic